

Số: 2623 /BC-BVUB

Nghệ An, ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Kính gửi:** Sở Y tế Nghệ An.

Căn cứ Công văn số 4726/SYT-KHTC ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Sở Y tế về công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý 4 và cả năm 2020.

Bệnh viện Ung bướu Nghệ An xin báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý 4 và cả năm 2020 theo biểu mẫu đính kèm công văn này.

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT. *A*

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Quang Trung**

**Đơn vị: Bệnh viện Ung bướu Nghệ An****ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV VÀ CẢ NĂM 2020**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;



Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Bệnh viện Ung bướu Nghệ An công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý IV và cả năm 2020 như sau:

**DVT: triệu đồng**

TT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện Quý 4	Ước thực hiện cả năm 2020
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>			
1	Số thu phí, lệ phí			
2	Số phí nộp NSNN			
3	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
<b>II</b>	<b>Dự toán chi NSNN</b>	<b>117.670</b>	<b>51.151</b>	<b>116.323</b>
<b>1</b>	<b>KP quản lý hành chính</b>			
1.1	Kinh phí tự chủ 2019 chuyển 2020			
1.2	Kinh phí tự chủ 2020			
1.3	KP không tự chủ 2019 chuyển 2020			
1.4	KP không tự chủ 2020			
<b>2</b>	<b>KP hoạt động sự nghiệp</b>	<b>25.210</b>	<b>21.002</b>	<b>23.863</b>
2.1	Kinh phí tự chủ 2019 chuyển 2020			
2.2	Kinh phí tự chủ 2020			
2.3	KP không tự chủ 2019 chuyển 2020			
2.4	KP không tự chủ 2020	25.210	21.002	23.863
2,5	KP đề án nâng cao NL ATVSTP			
2,60	KP đối ứng các Dự án			
	DA An ninh y tế vùng Sông Me Koong			
	DA Quỹ toàn cầu PC sốt rét			
	DA PC HIV			
<b>3</b>	<b>Kinh phí Đầu tư XDCB</b>	<b>92.018</b>	<b>29.706</b>	<b>92.018</b>
	Kinh phí 2019 chuyển 2020	5.000		5.000



TT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện Quý 4	Ước thực hiện cả năm 2020
	Kinh phí 2020	87.018	29.706	87.018
<b>4</b>	<b>KP Chương trình mục tiêu 2019 chuyển 2020</b>			
4,1	PC một số BTN NH và các bệnh không lây nhiễm			
	<i>PC Phong</i>			
	<i>PC Lao</i>			
	<i>PC sốt rét</i>			
	<i>PC Sốt xuất huyết</i>			
	<i>BV sức khỏe Tâm thần</i>			
	<i>PC đái tháo đường</i>			
	<i>Bệnh phổi tắc nghẽn</i>			
	<i>Hoạt động Y tế học đường</i>			
	<i>PC Ung thư</i>			
	<i>PC Tim mạch, Tăng huyết áp</i>			
4.2	Tiêm chủng mở rộng			
4.3	Dân số và Phát triển			
	HĐ cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em			
4.4	An toàn thực phẩm			
4.8	Theo dõi, giám sát, truyền thông			
<b>4</b>	<b>KP Chương trình mục tiêu 2020</b>	<b>442</b>	<b>442</b>	<b>442</b>
4,1	PC một số BTN NH và các bệnh không lây nhiễm	442	442	442
	<i>PC Phong</i>			
	<i>PC Lao</i>			
	<i>PC sốt rét</i>			
	<i>PC Sốt xuất huyết</i>			
	<i>BV sức khỏe Tâm thần</i>			
	<i>PC đái tháo đường</i>			
	<i>Bệnh phổi tắc nghẽn</i>			
	<i>Hoạt động Y tế học đường</i>			
	<i>PC Ung thư</i>	442	442	442
	<i>PC Tim mạch, Tăng huyết áp</i>			
4.2	Tiêm chủng mở rộng			
4.3	Dân số và Phát triển			
4.3.1	HĐ Dân số KHHGD			
4.3.2	HĐ CSSKSS			
4.3.3	HĐ cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em			
4.4	An toàn thực phẩm			

TT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện Quý 4	Ước thực hiện cả năm 2020
4.5	Phòng chống HIV/AIDS			
4.6	Đảm bảo máu an toàn			
4.7	Quản dân y kết hợp			
4.8	Theo dõi, giám sát, truyền thông			

